

Số: 89/KH-STTTT

An Giang, ngày 16 tháng 12 năm 2020

KẾ HOẠCH
Phát triển hạ tầng viễn thông giai đoạn 2021- 2025
trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng CP phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ “Sổ tay hướng dẫn các bộ chỉ số, nhóm chỉ số, chỉ số thành phần đánh giá, xếp hạng trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông của các tổ chức quốc tế” do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành năm 2019;

Căn cứ Chỉ thị số 52/CT-BTTTT ngày 11/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về tăng cường chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Sở Thông tin và Truyền thông An Giang xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Tiếp tục triển khai các quy hoạch phát triển hạ tầng viễn thông đã được cấp thẩm quyền phê duyệt thực hiện đồng bộ, phù hợp với phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, đảm bảo phục vụ tốt công tác an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển bền vững.

- Phát triển hạ tầng viễn thông theo hướng hiện đại, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới, dung lượng lớn, tốc độ cao nâng cao đảm bảo chất lượng các dịch vụ viễn thông đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn tới.

- Phát triển hạ tầng viễn thông theo hướng chia sẻ, sử dụng dùng chung cơ sở hạ tầng nhằm tiết kiệm nguồn vốn đầu tư; đảm bảo mỹ quan đô thị, nâng cao hiệu quả hoạt động và vai trò của công tác quản lý nhà nước, đảm bảo người dùng được quyền lựa chọn dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ, tránh tình trạng độc quyền trong cung cấp dịch vụ viễn thông

- Phát triển hạ tầng viễn thông làm nền tảng cho việc Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể: (kèm theo bản phụ lục)

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng:

Rà soát, xây dựng kế hoạch phát triển điểm phục vụ viễn thông công cộng có người phục vụ đến các xã phường, thị trấn, cung cấp dịch vụ Internet công cộng, giúp người dân tiếp cận Internet, tra cứu thông tin, tiếp cận các dịch vụ của Chính quyền điện tử.

Khuyến khích doanh nghiệp viễn thông triển khai xây dựng, lắp đặt các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ của doanh nghiệp tại các khu vực công cộng (nhà ga, bến xe...), khu vực du lịch, khu tập trung đông dân cư; đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng, phục vụ phát triển du lịch, giáo dục, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

2. Hạ tầng trạm thu phát sóng thông tin di động:

Phủ sóng mạng di động băng thông rộng 4G đến tất cả các xã, phường, thị trấn (đặc biệt các khu vực đông dân cư, các khu dân cư, khu công nghiệp...) đảm bảo nhu cầu sử dụng của người dân. Các doanh nghiệp viễn thông kiến nghị Tập đoàn, Tổng công ty có lộ trình triển khai đầu tư mạng 5G tại các thành phố, thị xã trung, các khu công nghiệp, các trường Đại học, bệnh viện, khu du lịch...

Phát triển hạ tầng mạng di động trên địa bàn tỉnh theo hướng chú trọng sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp, nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư, đảm bảo mỹ quan đô thị và tăng cường chức năng quản lý nhà nước trong phát triển hạ tầng viễn thông. Đối với các trạm BTS hiện hữu khi phải di dời cần ưu tiên đàm phán dùng chung với các trạm hiện hữu lân cận.

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, kiểm tra, rà soát kế hoạch phát triển hạ tầng trạm BTS của doanh nghiệp trên địa bàn. Khuyến khích doanh nghiệp dùng chung hạ tầng trạm BTS phát triển mới dùng chung hạ tầng với trạm hiện hữu. Ưu tiên phát triển mới trạm thu phát sóng thông tin di động thân thiện môi trường, trạm ngụy trang, trạm không cồng kềnh trên khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan.

3. Hạ tầng công bẻ, cột treo cáp

Tập trung triển khai ngầm hóa cáp thông tin đến nhà thuê bao tại các khu dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp theo tiến độ bàn giao của chủ đầu tư về địa phương quản lý, đảm bảo tất cả các khu dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp khi bàn giao về địa phương quản lý phải được ngầm hóa hoàn toàn cáp thông tin.

Ngầm hóa mạng cáp thông tin, cáp truyền hình cáp đồng bộ với xây dựng cơ sở hạ tầng các ngành (giao thông, đô thị, xây dựng...) trên địa bàn mỗi khu vực. Ngầm hóa theo hướng sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp, các ngành.

Tại những khu vực mạng ngoại vi đã được xây dựng từ trước: thực hiện ngầm hóa mạng ngoại vi đến hệ thống tủ cáp trên các tuyến đường, tuyến phố, khu dân cư (ngầm hóa tới thuê bao tại các khu vực trung tâm, khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan), cải tạo hệ thống mạng ngoại vi đảm bảo mỹ quan đô thị.

Khu vực nông thôn: cải tạo mạng ngoại vi, rút ngắn cự ly cáp phục vụ, ngầm hóa mạng ngoại vi trên các tuyến truyền dẫn chính, tuyến đường trục, khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan.

Tại một số khu vực đã thực hiện ngầm hóa, các doanh nghiệp muốn tham gia cung cấp dịch vụ; phối hợp, đàm phán với doanh nghiệp đã thực hiện ngầm hóa để thuê hạ tầng.

Rà soát, xử lý dứt điểm đảm bảo không còn tình trạng cáp treo vượt đường không đúng độ cao, không đi vào khoen treo vượt đường trên tất cả các tuyến đường trên địa bàn tỉnh đảm bảo mỹ quan và an toàn giao thông.

Xây dựng đơn giá dùng chung, thỏa thuận và thông báo đơn giá dùng chung đúng theo quy định đối với tất cả hạ tầng viễn thông: Cột treo cáp đến tất cả các tuyến đường, tuyến hẻm (khuyến khích tính đúng, tính đủ đến số lượng sợi cáp treo); giá thuê trạm BTS (theo hướng thuê lắp thiết bị trên trụ, lắp thiết bị Outdoor, phòng lắp đặt thiết bị, phòng máy nổ); giá thuê hạ tầng ống dẫn cáp, bể cáp, giá thuê sợi cáp lắp đặt trong ống; giá thuê hạ tầng cáp trong các tòa nhà, khu chung cư.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Công nghệ thông tin - Bưu chính, Viễn thông

Tham mưu giúp Lãnh đạo Sở tổ chức triển khai thực hiện những một số nội dung cụ thể:

- Nghiên cứu, tham mưu điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh An Giang phù hợp quy hoạch chung của tỉnh và định hướng đến 2030.

- Nghiên cứu, tham mưu xây dựng phần mềm quản lý hạ tầng mạng viễn thông (GIS).

- Tham mưu chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp và phát triển mới hạ tầng viễn thông băng rộng, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh theo hướng tăng cường chia sẻ, sử dụng chung đảm bảo hiện đại, an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ dịch vụ rộng khắp đảm bảo các mục tiêu đề ra.

- Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy tối đa việc kết nối và thực hiện chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông.

- Cập nhật, thông báo và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp trong việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật giữa các ngành xây dựng, giao thông, điện lực... trong việc cấp giấy phép xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

- Chủ trì việc đánh giá kết quả thực hiện của Kế hoạch, tham mưu điều chỉnh Kế hoạch (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế hàng năm

2. Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện kế hoạch; Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện việc chỉnh trang, ngầm hóa, phát triển mới mạng cáp và phát triển mới trạm thu phát sóng thông tin di động... trên địa bàn nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phối hợp với phòng Công nghệ thông tin - Bưu chính viễn thông trong quản lý việc xây dựng phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn, đảm bảo mỹ quan đô thị, cảnh quan kiến trúc và quản lý việc ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi trên địa bàn.

3. Các doanh nghiệp viễn thông

- Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông của đơn vị và theo từng giai đoạn báo cáo về Sở trước ngày **30/11** hàng năm.

- Thực hiện việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông bằng rộng vùng phủ dịch vụ rộng khắp trên phạm vi toàn tỉnh, đảm bảo các mục tiêu cụ thể đề ra. Tuân thủ các quy định về cấp phép và quản lý xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

- Chấp hành các quy định về sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật; xác định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật được sử dụng chung do doanh nghiệp đầu tư.

- Phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị và các doanh nghiệp liên quan đến đầu tư hạ tầng, đàm phán cùng đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng; đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với các công trình hạ tầng kinh tế kỹ thuật khác.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời các số liệu liên quan đến hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật dùng chung của tỉnh.

- Tổ chức triển khai kế hoạch và báo cáo kết quả về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày **31/12/2020**.

Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các doanh nghiệp chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Cục Viễn thông;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- SởTTTT: BGĐ, CNTT-BCVT;
- Phòng VH&TT các huyện, TP (để t/h);
- Các doanh nghiệp viễn thông (để t/h);
- Lưu: VT, CNTT-BCVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Việt Phương

PHỤ LỤC

**Chỉ tiêu phát triển hạ tầng viễn thông giai đoạn 2021- 2025
trên địa bàn tỉnh An Giang**

(Kèm theo Kế hoạch số 89 /KH-STTTT ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Sở
Thông tin và Truyền thông)

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng đến tháng 11/2020	Mục tiêu GD 2021-2022	Mục tiêu GD 2023-2024	Mục tiêu năm 2025	Ghi chú
1	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 4G, 5G (%)	100%	100%	100%	100%	Đạt năm 2020
2	Tốc độ tải dữ liệu (Tải xuống/Tải lên/Mbps)	100/50	200/70	250/80	300/100	
3	Số thuê bao băng rộng di động/100 dân (%)	58%	70%	75%	80%	
4	Tỷ lệ phủ sóng điện thoại di động dọc theo các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện trên địa bàn tỉnh.	100%	100%	100%	100%	Đạt năm 2020
5	Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân	12%	15%	20%	26%	
6	Tỷ lệ hộ gia đình có thuê bao cáp quang (%);	50%	60%	70%	80%	
7	Tỷ lệ xã có hạ tầng mạng băng rộng cáp quang (%)	100%	100%	100%	100%	Đạt năm 2020
8	Tỷ lệ cơ quan nhà nước có kết nối băng rộng cố định (%)	100%	100%	100%	100%	Đạt năm 2020
	- Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 100 Mb/s.	50%	100%	100%	100%	

	- Tỷ lệ (%) có tốc độ truy cập tối đa 1000 Mb/s.	2%	10%	50%	100%	
9	Tỉ lệ trường học có kết nối băng rộng cố định	100%	100%	100%	100%	Đạt năm 2020
	- Tỉ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 100 Mb/s	50%	100%	100%	100%	
	- Tỉ lệ (%) có tốc độ truy cập tối đa 1000 Mb/s	2%	50%	50%	70%	
10	- Tỉ lệ bệnh viện có kết nối băng rộng cố định	100%	100%	100%	100%	Đạt năm 2020
	- Tỉ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 100Mb/s	50%	100%	100%	100%	
	- Tỉ lệ (%) có tốc độ truy cập tối đa 1000 Mb/s	2%	10%	50%	100%	
11	Tỉ lệ doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có kết nối băng rộng cố định	100%	100%	100%	100%	Đạt năm 2020
	- Tỉ lệ (%) có tốc độ truy cập tối thiểu 100 Mb/s	50%	100%	100%	100%	
	- Tỉ lệ (%) có tốc độ truy cập tối đa 1000 Mb/s	1%	20%	60%	100%	